TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **553**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 454/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Tiến T, sinh năm 1995

CCCD số: 001095030182 cấp ngày 29/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

HKTT và nơi ở hiện nay: Số A H, xã P, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều T1, sinh năm 2000

CCCD số: 001300068896 cấp ngày 28/02/2024 tại Bộ Công an.

HKTT và nơi ở hiện nay: Số A, tổ D, phường V, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 05 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Tiến T và bà Nguyễn Thị Kiều T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. **Về con chung:** Xác định ông Trần Tiến T và bà Nguyễn Thị Kiều T1 có 01 con chung là cháu Trần Quỳnh C – sinh ngày 05/7/2019. Sau khi ly hôn, giao cháu Trần Quỳnh C cho bà T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, ông Trần Tiến T có nghĩa vụ đóng góp 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Không ai có quyền cản trở việc thăm gặp, chăm sóc con chung.

2.2. Về tài sản chung và công nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3.Về án phí: Ông Trần Tiến T và bà Nguyễn Thị Kiều T1 mỗi người phải nộp 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T chịu toàn bộ án phí. Ông Trần Tiến T phải nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí về việc cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí ông T đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Hà Nội theo biên lai số: 0010056 ngày 23/4/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội;
- UBND thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội (nay là UBND xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội) (GCNKH số 02/2019 ngày 14/01/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Huyền